

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 19/12/2017

Về việc: “*Tranh chấp về cấp dưỡng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU,
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Châm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Liệt
Ông Võ Văn Dũng.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lê Thị Lương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hương**– Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp.Vũng Tàu, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 1041/2017/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp về cấp dưỡng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Bà Phạm THT, sinh năm 1979; Hộ khẩu thường trú: B1 , phường N, thành phố V, tỉnh T;

2. *Bị đơn:* Ông Bùi GH (Vũ BH), sinh năm 1968; Hộ khẩu thường trú và địa chỉ: B1 , phường N, thành phố V, tỉnh T;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2017, bản tự khai, lời khai nguyên đơn bà Phạm THT trình bày:

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự số 86/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu thì bà và ông Bùi GH thuận tình ly hôn; bà trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung duy nhất của bà và ông H là cháu Bùi Gia HA sinh ngày 22 tháng 7 năm 2005, ông H không cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, do thu nhập của bà hiện nay không đủ điều kiện để chi trả chi phí sinh hoạt, học tập của con với mức chi phí hàng tháng khoảng 4.800.000đ/1 tháng trong đó tiền học thêm các môn Toán; Anh văn; Văn; Lý; học phụ đạo ở trường tổng cộng là 2.000.000đ, học cầu lông 300.000đ, tiền ăn, tiền sữa, quần áo 2.500.000đ/tháng. Thu nhập của ông H hiện nay ổn định ở mức 5.200.000đ/1 tháng, trong khi mức lương của bà chỉ có

3.890.000đ nên bà yêu cầu Tòa án buộc ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là để phụ bà trang trải chi phí nuôi dạy con tốt hơn.

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai bà yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ (hai triệu đồng)/1 tháng. Sau đó trong quá trình làm việc bà yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 1.300.000đ (một triệu, ba trăm ngàn đồng)/1 tháng cho đến khi con trưởng thành.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 10 năm 2017 ông Bùi GH trình bày:

Ông và bà T đã nhận được Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu. Hiện nay, ông và bà T không còn liên quan gì, ông không đủ khả năng để cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa:

Bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ (một triệu đồng)/ 1 tháng.

Ông H trình bày: Bố mẹ ruột của ông đều đã chết, ông có em gái ruột là bà Bùi Thị H bị tai nạn gần như mất khả năng lao động, chồng bà H đã mất, bà H có 01 con nhỏ đang học lớp 9 nên ông H phải hỗ trợ em gái trong việc nuôi cháu ăn học. Do đó, việc bà T yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/1 tháng là quá khả năng của ông. Ông chỉ đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con là 800.000đ (tám trăm ngàn đồng)/1 tháng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu của bà T về việc buộc ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ. Từ tình hình thu nhập thực tế của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông H từ 800.000đ đến 1.000.000đ /1 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Bà Phạm THT khởi kiện tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con đối với ông Bùi GH (Vũ BH), theo quy định tại khoản 3 Điều 28, Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án “Tranh chấp về cấp dưỡng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

2. Về nội dung:

{2.1}. *Xét về yêu cầu cấp dưỡng:* Khi ly hôn, bà T được giao chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, hai bên thỏa thuận ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên không chỉ là nghĩa vụ mà còn là quyền của bậc làm cha, làm mẹ để giành cho con những gì tốt đẹp nhất. Bà T yêu cầu ông H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là yêu cầu chính đáng phù hợp

với quy định tại Khoản 2 Điều 82; Điều 107; Điều 110; Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ để chấp nhận.

{2.2}. *Xét về mức cấp dưỡng*: Bà T cung cấp bảng lương của bà T đang làm tạp vụ tại Trường Trung học phổ thông Vũng Tàu với mức lương trung bình là 3.890.000đ/1 tháng, ngoài ra bà T xác định có đi làm giúp việc nhà với thu nhập khoảng 2.000.000đ/1 tháng. Tuy nhiên, thu nhập từ việc giúp việc nhà là thu nhập không ổn định. Với tổng thu nhập như vậy, để trang trải chi phí sinh hoạt của 2 mẹ con và chi trả tiền học tập cho con là quá sức với bà T.

Theo kết quả xác minh của Tòa án tại Công ty T tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ông Bùi GH hiện là công nhân bảo vệ và trực trạm bơm của nhà máy xử lý nước thải R với thu nhập ổn định bình quân là 5.200.000đ (năm triệu, hai trăm ngàn đồng)/1 tháng. Tại phiên tòa, bà T thừa nhận về việc em gái ông H bị tai nạn chấn thương sọ não, gãy xương vai, hoàn cảnh khó khăn vì chồng chết và đang nuôi con học lớp 9. Theo quy định tại Điều 112 Luật Hôn nhân và Gia đình, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng cho em không có khả năng lao động và không có tài sản tự nuôi mình. Ông H không đưa ra được chứng cứ chứng minh về việc ông có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà H nhưng thực tế việc anh em hỗ trợ nhau khi khó khăn như lời trình bày của ông H là có căn cứ.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân gia đình thì mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy mức cấp dưỡng nuôi con 900.000đ (chín trăm ngàn đồng)/1 tháng là phù hợp với tình hình thu nhập thực tế của ông H cũng như phù hợp với việc chi trả những chi phí sinh hoạt tối thiểu để nuôi dưỡng cháu Bùi GHA.

Do đó, chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm THT về việc buộc ông Bùi GH (Vũ BH) có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là Bùi GHA sinh ngày 22 tháng 7 năm 2005 với mức cấp dưỡng là 900.000đ (chín trăm ngàn đồng)/1 tháng cho đến khi cháu Bùi GHA trưởng thành.

Về án phí: Ông Bùi GH (Vũ BH) phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình theo điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 69; Điều 82; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm THT:

Buộc ông Bùi GH (Vũ BH) có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông H và bà T là Bùi GHA sinh ngày 22 tháng 7 năm 2005 với mức cấp dưỡng là 900.000đ (chín trăm ngàn đồng)/1 tháng cho đến khi cháu Bùi GHA

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì lợi ích của con, một bên hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về án phí: Ông Bùi GH (Vũ BH) phải chịu 300.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự không có giá ngạch.

Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Thị Châm